

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 06- 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:*

Sau thời gian tìm hiểu, tôi và ông Trịnh Ngọc T tự nguyện chung sống từ tháng 08 năm 1990 và không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không phù hợp lối sống của nhau, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn; mâu thuẫn càng gay gắt. Mặc dù, vợ chồng tôi đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn

giữa vợ chồng tôi vẫn không thể hòa giải được. Bà C xác định tình cảm vợ chồng giữa tôi và ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Thùy T, sinh ngày 04/12/1993 và Trịnh Ngọc N, sinh ngày 21/10/1990. Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bà C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bà C không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Đối với bị đơn ông Trịnh Ngọc T:*

Thông nhất với phần trình bày của bà Lê Thị C về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu; sau phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chúng tôi cũng đã nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng sống cách ly nhiều năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết không công nhận vợ chồng với bà Lê Thị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Thùy T, sinh ngày 04/12/1993 và Trịnh Ngọc N, sinh ngày 21/10/1990. Hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu xem xét giải quyết.

Ông Trịnh Ngọc T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T là có cơ sở chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T; ông T có hộ khẩu thường trú khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.*

Vì vậy, việc chung sống của bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc Thiệp là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Chiến, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T có 02 con chung tên Trịnh Thị Thùy T, sinh ngày 04/12/1993 và Trịnh Ngọc N, sinh ngày 21/10/1990 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 40, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với ông Trịnh Ngọc T về việc tranh chấp ly hôn (không công nhận vợ chồng).

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Trịnh Ngọc T.

1.2. Về con chung: 02 con chung tên Trịnh Thị Thùy T, sinh ngày 04/12/1993 và Trịnh Ngọc N, sinh ngày 21/10/1990 đã thành niên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào toàn bộ số tiền đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003739 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND p D, tp D, t BD (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc Quân**